

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2022

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Số: 101./2022/HĐUQ/EVNGENCO1-QTP

Về việc: Thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại
CTCP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Văn bản số 4636/EVN-QLV ngày 02/8/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc xử lý sở hữu chéo trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH

- Người đại diện: Ông Ngô Sinh Nghĩa
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0203.3657.539
- Mã số thuế: 5700434869
- Tài khoản VND số 0141000858668 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Quảng Ninh

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (BÊN B): TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1

- Người đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Huân
Chức vụ: Phó Tổng giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 35A/UQ-EVNGENCO1 ngày 01/10/2020)
- Địa chỉ: Số 22 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 7308 9789
- Mã số thuế: 5701662152
- Tài khoản VND số 0011001543138 tại ngân hàng TMCP An Bình - Hội sở



Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng nhất trí lập **Hợp đồng ủy quyền** thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng**") với các điều khoản như sau:

Điều 1: Các định nghĩa

Bên A:	Bên ủy quyền (QTP)
Bên B:	Bên nhận ủy quyền (EVNGENCO1)
Hợp đồng:	Hợp đồng ủy quyền
EVN:	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
NPS:	CTCP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Tư vấn/Tổ chức tư vấn:	Tổ chức tư vấn độc lập

Điều 2: Phạm vi ủy quyền

Bên A ủy quyền cho Bên B và Bên B đồng ý thay mặt, đại diện Bên A thực hiện các thủ tục liên quan để chuyển nhượng **150.000 cổ phần** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn cổ phần*) do Bên A sở hữu tại NPS trong cùng một đợt chuyển nhượng vốn với Bên B, theo đúng quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Các thủ tục Bên A ủy quyền cho Bên B thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại NPS bao gồm:

- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm và tư vấn chuyển nhượng cổ phần để tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần NPS thuộc sở hữu của các bên;
- Ký hợp đồng với Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc đơn vị có chức năng đấu giá để thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần NPS;
- Thực hiện đăng ký các thủ tục pháp lý về tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần NPS với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán hoặc tổ chức bán đấu giá cổ phần NPS;
- Đại diện Bên A làm việc với NPS với tư cách là cổ đông của Công ty và đại diện phần vốn góp của Bên A tại NPS để trao đổi, đề nghị cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc chuyển nhượng cổ phần;
- Quyết định lộ trình, thời gian bán đấu giá công khai cổ phần NPS;
- Tổng hợp, hoàn thiện bộ hồ sơ bán đấu giá công khai cổ phần NPS;
- Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần NPS đúng quy định pháp luật hiện hành;
- Các vấn đề khác có liên quan đến thủ tục bán đấu giá công khai cổ phần NPS.

Điều 3: Thời hạn ủy quyền

Thời hạn ủy quyền được tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến khi Bên B hoàn tất các công việc được ủy quyền nêu trong Hợp đồng này.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền của Bên A

4.1. Nghĩa vụ của Bên A

a. Cung cấp thông tin, hồ sơ và tài liệu cần thiết có liên quan cho Bên B và Tổ chức tư vấn để Bên B thực hiện các công việc được ủy quyền.

b. Chịu trách nhiệm về phạm vi ủy quyền quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

c. Ban hành các quyết định liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Bên A tại NPS theo quy định.

d. Chịu trách nhiệm công bố thông tin về chuyển nhượng cổ phần theo quy định pháp luật hiện hành.

e. Thanh toán chi phí chuyển nhượng cổ phần mà Bên B đã chi hộ (chi phí thuê tư vấn xác định giá khởi điểm, chi phí thực hiện bán đấu giá công khai...) để thực hiện công việc được ủy quyền theo tỷ lệ cổ phần sở hữu của Bên A trong tổng số lượng cổ phần bán đấu giá của các bên.

Thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên B gửi đề nghị thanh toán và cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ.

f. Thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư trúng đấu giá đối với số lượng cổ phần do Bên A sở hữu.

4.2. Quyền của Bên A

a. Yêu cầu Bên B thông báo tiến độ, kết quả công việc được ủy quyền thường xuyên và/hoặc khi phát sinh các công việc liên quan.

b. Yêu cầu Bên B cung cấp phương án chuyển nhượng cổ phần; chứng thư thẩm định giá; phương án giá khởi điểm và bán đấu giá công khai cổ phần NPS cho Bên A cùng phối hợp thông qua trước khi triển khai thực hiện.

c. Tạm hoãn, thỏa thuận lại việc thực hiện hợp đồng trong trường hợp việc đấu giá có kết quả thấp hơn giá khởi điểm đã được các bên thống nhất và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Nhận được giá trị chuyển nhượng cổ phần tương ứng với số cổ phần bán được thực tế trong vòng 5 ngày sau khi Bên A hoàn tất thanh toán cho Bên B các khoản chi phí chuyển nhượng cổ phần quy định tại Điểm e Khoản 4.1 Điều 4 Hợp đồng này.

Trong trường hợp kết quả số lượng cổ phần thực tế bán được ít hơn tổng số lượng cổ phần bán đấu giá của các bên thì số lượng cổ phần thực tế bán được của từng bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng cổ phần} \\ \text{thực tế bán được} \\ \text{của từng bên} \end{array} = \frac{\text{Tổng số cổ phần} \\ \text{bán được}}{\text{Tổng số cổ phần các bên đăng ký bán}} \times \frac{\text{Số cổ phần từng bên đăng ký bán}}{\text{Tổng số cổ phần các bên đăng ký bán}}$$

Số lượng cổ phần thực tế bán được của từng bên sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phần lẻ còn lại sau khi phân bổ sẽ được phân chia theo thỏa thuận và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền của Bên B

5.1. Nghĩa vụ của Bên B

a. Thực hiện các công việc được ủy quyền theo đúng các quy định pháp luật liên quan; thông báo thường xuyên hoặc khi có yêu cầu cho Bên A về tiến độ, kết quả thực hiện công việc được ủy quyền; thông báo kịp thời cho Bên A về những vướng mắc phát sinh (nếu có).

b. Gửi và thống nhất với Bên A về phương án chuyển nhượng cổ phần; chứng thư thẩm định giá; phương án giá khởi điểm và bán đấu giá công khai cổ phần NPS.

c. Đảm bảo quyền lợi của Bên A đúng quy định pháp luật, thực hiện bán đấu giá công khai với giá trị thu về sau kết quả đấu giá thành công không được thấp hơn giá khởi điểm đã được các bên thống nhất.

d. Tuân thủ quy định tại Hợp đồng này, quy định của pháp luật và các tổ chức khác có liên quan khi thực hiện nội dung được ủy quyền.

e. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ đối với các khoản chi phí liên quan đến chuyển nhượng cổ phần mà Bên B đã chi hộ Bên A để thực hiện công việc được ủy quyền theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này.

f. Giá bán cổ phần NPS mà Bên B thanh toán cho Bên A được xác định là giá bán bình quân của toàn bộ số lượng cổ phần NPS thực hiện chuyển nhượng thành công (bao gồm cổ phần của Bên A, Bên B và các đơn vị ủy quyền khác cho Bên B thực hiện).

5.2. Quyền của Bên B

a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, hồ sơ và tài liệu cần thiết để thực hiện công việc được ủy quyền.

b. Yêu cầu Bên A thanh toán chi phí chuyển nhượng cổ phần của Bên A mà Bên B đã chi hộ để thực hiện công việc được ủy quyền tại Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 6: Thông báo, công bố thông tin và bảo mật

6.1. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề khác hoặc nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc thì một trong hai bên có thể thông báo và thỏa thuận với bên còn lại về việc điều chỉnh thời hạn thực hiện Hợp đồng, cũng như các vấn đề liên quan khác.

6.2. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản và gửi theo địa chỉ ghi trên Hợp đồng.

6.3. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực sau 05 ngày làm việc kể từ ngày bên kia nhận được thông báo (ngày làm việc được tính theo dương lịch, không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam), trừ trường hợp quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng này về thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng.

6.4. Hai bên có trách nhiệm bảo mật thông tin theo đúng quy định pháp luật.

Điều 7: Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng ủy quyền

7.1. Bên A và/hoặc Bên B có thể chấm dứt thực hiện Hợp đồng bất cứ lúc nào trước khi Bên B chính thức nhận quyết định đấu giá tại nơi tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần NPS, nhưng phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày chấm dứt.

7.2. Trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng thì Bên A phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ chi phí hợp lý đã phát sinh mà Bên B đã chi hộ đến thời điểm chấm dứt để thực hiện công việc được ủy quyền.

7.3. Trong trường hợp Bên A phải thông báo về việc ủy quyền này với Tổ chức tư vấn đấu giá, Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan thì Bên A cũng sẽ phải thông báo bằng văn bản cho các đơn vị này biết về việc Bên A chấm dứt thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp Bên A không thông báo chính thức bằng văn bản cho các đơn vị này thì hợp đồng với Tổ chức tư vấn bán đấu giá và Sở Giao dịch chứng khoán vẫn còn hiệu lực thi hành (trừ trường hợp Tổ chức tư vấn bán đấu giá và Sở Giao dịch chứng khoán biết hoặc phải biết về việc Hợp đồng ủy quyền đã bị chấm dứt).

Điều 8: Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền và tự động thanh lý Hợp đồng

Hợp đồng ủy quyền chấm dứt và tự động thanh lý trong các trường hợp sau đây:

8.1. Hợp đồng ủy quyền hết hạn.

8.2. Khi các bên hoàn tất mọi nghĩa vụ và trách nhiệm theo thỏa thuận của Hợp đồng.

8.3. Bên A hoặc Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này.

8.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Cam đoan của các Bên

Bên A và Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam đoan sau đây:

9.1. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc dưới bất kỳ hình thức nào.

9.2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều khoản thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.3. Các bên cam kết tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bên còn lại ở mức cao nhất.

Điều 10: Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh bất kỳ khó khăn, trở ngại nào, các bên phải thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm biện pháp giải quyết, khắc phục để giảm thiểu rủi ro tới mức tối đa và phải lập biên bản về vấn đề này.

Mọi tranh chấp phát sinh, nếu có, liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì mỗi bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 11: Điều khoản thi hành

11.1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và tính pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

11.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

11.3. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này, việc tạm dừng thực hiện Hợp đồng này (nếu có) phải được hai bên đồng ý và lập thành văn bản có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của mỗi bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung, tạm dừng thực hiện Hợp đồng là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 (ba) bản làm cơ sở để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Sinh Nghĩa

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Mạnh Huân